



Công ty Cổ phần Bibica

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Bibica

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 37

Công ty Cổ phần Bibica

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3600363970 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Phát hành số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai chi nhánh gồm Nhà máy Bibica Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và Nhà máy Bibica Hà Nội – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HDQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Phú Chiến	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên độc lập	
Ông Vũ Cường	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2022

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ ("BKT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Cường	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Kha	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Phú Chiến.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bibica

THÔNG TIN CHUNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên của Nhóm Công ty để có được các thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Trương Phú Chiến
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 11635520/22990343/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bibica

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		768.603.571.846	765.809.240.318
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.194.488.070	202.635.407.119
111	1. Tiền		46.569.782.664	41.925.560.315
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.624.705.406	160.709.846.804
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.240.659.064	5.383.495.065
121	1. Chứng khoán kinh doanh	11.1	5.032.544.826	4.618.744.826
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	11.1	(1.291.885.762)	(735.249.761)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.2	1.500.000.000	1.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	602.787.148.123	490.720.393.460
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		485.960.831.964	336.480.688.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.118.606.370	2.062.106.788
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	36.644.395.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		125.193.369.976	125.018.863.463
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.485.660.187)	(9.485.660.187)
140	IV. Hàng tồn kho	6	29.980.573.084	29.739.752.551
141	1. Hàng tồn kho		31.259.027.021	31.018.206.488
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.278.453.937)	(1.278.453.937)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		37.400.703.505	37.330.192.123
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.529.655.009	1.241.415.022
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	35.163.201.700	35.303.163.997
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	707.846.796	785.613.104
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.404.356.994.894	1.127.122.270.047
210	I. Phải thu dài hạn		23.000.000	23.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		23.000.000	23.000.000
220	II. Tài sản cố định		65.279.689.482	71.308.497.182
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	63.770.877.530	69.302.115.287
222	Nguyên giá		318.662.241.802	318.088.838.420
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(254.891.364.272)	(248.786.723.133)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.508.811.952	2.006.381.895
228	Nguyên giá		11.349.805.943	11.349.805.943
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.840.993.991)	(9.343.424.048)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		116.756.517.988	99.738.681.084
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	116.756.517.988	99.738.681.084
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.216.535.292.720	950.000.000.000
251	1. Đầu tư vào các công ty con	11.3	1.166.573.825.000	950.000.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.2	49.961.467.720	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.762.494.704	6.052.091.781
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	3.410.286.078	3.363.941.688
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	2.352.208.626	2.688.150.093
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.172.960.566.740	1.892.931.510.365

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		870.055.587.630	816.621.856.448
310	I. Nợ ngắn hạn		856.259.933.791	702.632.709.537
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	177.870.213.196	218.540.990.667
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	648.244.510.368	362.462.333.329
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	11.506.121.356	16.422.223.424
314	4. Phải trả người lao động		-	4.300.975.657
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.881.976.686	26.527.017.312
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.755.711.408	62.210.883.008
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	9.001.400.777	12.168.286.140
330	II. Nợ dài hạn		13.795.653.839	113.989.146.911
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	3.291.077.272	103.311.077.272
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	10.504.576.567	10.678.069.639
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.302.904.979.110	1.076.309.653.917
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.302.904.979.110	1.076.309.653.917
411	1. Vốn cổ phần		187.526.870.000	154.207.820.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.526.870.000	154.207.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		485.821.358.351	302.576.583.351
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		581.629.011.445	579.101.429.954
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.927.739.314	40.423.820.612
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (lũy kế) đến cuối kỳ trước		36.776.224.990	(30.547.154.930)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		11.151.514.324	70.970.975.542
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.172.960.566.740	1.892.931.510.365

Đinh Thị Thu Vân
Người lập

Đinh Thị Thu Vân
Quyền Kế toán trưởng



Trương Phú Chiến
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu về bán hàng	20.1	211.366.021.462	346.132.704.732
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(929.406.152)	(5.706.059.866)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	210.436.615.310	340.426.644.866
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(185.803.110.034)	(254.190.547.598)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		24.633.505.276	86.236.097.268
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	6.380.274.935	8.363.386.558
22	7. Chi phí tài chính	22	(565.899.141)	(2.390.405.055)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(2.529.680.931)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(153.884.984)	(67.820.787.080)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(16.779.407.722)	(19.298.357.677)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.514.588.364	5.089.934.014
31	11. Thu nhập khác	25	492.558.090	1.066.103.205
32	12. Chi phí khác	25	(7.782.943)	(674.697.500)
40	13. Lợi nhuận khác	25	484.775.147	391.405.705
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.999.363.511	5.481.339.719
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.511.907.720)	(1.237.635.401)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(335.941.467)	(4.995.051)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.151.514.324	4.238.709.267



Đinh Thị Thu Vân
Người lập



Đinh Thị Thu Vân
Quyền Kế toán trưởng



Trương Phú Chiến
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.999.363.511	5.481.339.719
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	7.056.066.092	7.780.645.987
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		383.142.929	(307.447.166)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.247.518.365)	214.489.262
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.484.688.091)	(8.650.839.006)
06	Chi phí lãi vay	22	-	2.529.680.931
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.706.366.076	7.047.869.727
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(147.817.443.492)	24.689.201.202
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(240.820.533)	31.241.507.720
11	Tăng các khoản phải trả		61.184.594.392	69.964.182.133
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(334.584.377)	428.316.722
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(2.529.680.931)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.741.034.160)	(4.538.415.693)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.286.899.494)	(700.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(81.529.821.588)	125.602.180.880
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(18.045.095.296)	(645.799.989)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	309.090.909
23	Tiền chi mua trái phiếu		(49.961.467.720)	-
24	Tiền thu hồi từ cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu		36.644.395.000	209.917.273.973
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(423.800.000)	-
27	Cổ tức và lãi tiền gửi nhận được		3.742.712.634	16.322.875.459
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(28.043.255.382)	225.903.440.352
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(182.458.869.605)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(182.458.869.605)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(109.573.076.970)	169.046.751.627
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		202.635.407.119	112.480.241.219
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		132.157.921	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	93.194.488.070	281.526.992.846



Đinh Thị Thu Vân
Người lập



Đinh Thị Thu Vân
Quyền Kế toán trưởng



Trương Phú Chiến
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3600363970 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Phát hành số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai chi nhánh gồm Nhà máy Bibica Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam ("Nhà máy Biên Hòa") và Nhà máy Bibica Hà Nội – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 503 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 442).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.3. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền và hàng hóa

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được trích hao mòn nếu có thời gian sử dụng là lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 7 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản đã được hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ sản xuất được dùng trong nhiều năm với giá trị lớn và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	46.422.100	24.087.673
Tiền gửi ngân hàng	46.523.360.564	41.901.472.642
Các khoản tương đương tiền (*)	46.624.705.406	160.709.846.804
TỔNG CỘNG	93.194.488.070	202.635.407.119

(*) Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi dao động từ 3,3% tới 5%/năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	485.960.831.964	336.480.688.396
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>444.552.236.970</i>	<i>298.271.147.205</i>
<i>Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang</i>	<i>5.719.714.614</i>	<i>2.302.552.230</i>
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại</i>		
<i>Tổng hợp Wincommerce - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>2.210.537.276</i>	<i>2.210.537.276</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>33.478.343.104</i>	<i>33.696.451.685</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.118.606.370	2.062.106.788
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Alpha Box</i>	<i>419.886.732</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Ishida Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>1.012.000.000</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>698.719.638</i>	<i>1.050.106.788</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	36.644.395.000
Phải thu ngắn hạn khác	125.193.369.976	125.018.863.463
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>107.685.102.785</i>	<i>107.683.706.025</i>
<i>Thu nhập lãi tiền gửi</i>	<i>6.311.525.900</i>	<i>5.569.550.443</i>
<i>Ký quỹ</i>	<i>5.095.420.000</i>	<i>5.095.420.000</i>
<i>Phạt chậm nộp đang chờ xử lý</i>	<i>936.911.745</i>	<i>936.911.745</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>5.164.409.546</i>	<i>5.733.275.250</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.485.660.187)	(9.485.660.187)
GIÁ TRỊ THUẦN	602.787.148.123	490.720.393.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.318.842.337	(1.272.234.937)	21.464.545.818	(1.272.234.937)
Thành phẩm, hàng hóa	6.532.064.716	-	6.193.015.862	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.017.757.082	-	2.063.389.076	-
Công cụ, dụng cụ	1.390.362.886	(6.219.000)	1.297.255.732	(6.219.000)
TỔNG CỘNG	<u>31.259.027.021</u>	<u>(1.278.453.937)</u>	<u>31.018.206.488</u>	<u>(1.278.453.937)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>1.278.453.937</u>	<u>4.647.458.610</u>

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	1.529.655.009	1.241.415.022
Công cụ, dụng cụ	995.581.941	692.296.726
Chi phí quảng cáo	173.510.113	272.308.403
Khác	360.562.955	276.809.893
Dài hạn	3.410.286.078	3.363.941.688
Công cụ, dụng cụ	1.586.080.002	1.547.072.732
Chi phí bảo trì tài sản cố định định kỳ	1.582.711.123	1.751.111.315
Khác	241.494.953	65.757.641
TỔNG CỘNG	<u>4.939.941.087</u>	<u>4.605.356.710</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	65.568.459.493	230.918.344.369	12.055.698.692	9.362.640.707	183.695.159	318.088.838.420
Mua mới	121.776.955	830.981.437	74.500.000	-	-	1.027.258.392
Thanh lý	-	(453.855.010)	-	-	-	(453.855.010)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	65.690.236.448	231.295.470.796	12.130.198.692	9.362.640.707	183.695.159	318.662.241.802
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	19.181.217.027	135.496.403.731	6.827.605.300	8.992.224.907	183.695.159	170.681.146.124
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	53.597.387.125	176.597.087.583	9.195.617.927	9.212.935.339	183.695.159	248.786.723.133
Khấu hao trong kỳ	1.390.715.714	4.828.126.093	313.785.624	25.868.718	-	6.558.496.149
Thanh lý	-	(453.855.010)	-	-	-	(453.855.010)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	54.988.102.839	180.971.358.666	9.509.403.551	9.238.804.057	183.695.159	254.891.364.272
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	11.971.072.368	54.321.256.786	2.860.080.765	149.705.368	-	69.302.115.287
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	10.702.133.609	50.324.112.130	2.620.795.141	123.836.650	-	63.770.877.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>256.080.000</u>	<u>11.093.725.943</u>	<u>11.349.805.943</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	3.644.336.785	3.644.336.785
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	9.343.424.048	9.343.424.048
Hao mòn trong kỳ	-	497.569.943	497.569.943
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	<u>9.840.993.991</u>	<u>9.840.993.991</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>256.080.000</u>	<u>1.750.301.895</u>	<u>2.006.381.895</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>256.080.000</u>	<u>1.252.731.952</u>	<u>1.508.811.952</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dự án kẹo dểo tại Nhà máy Biên Hòa	115.860.338.161	98.699.410.495
Các dự án khác	896.179.827	1.039.270.589
TỔNG CỘNG	<u>116.756.517.988</u>	<u>99.738.681.084</u>

Công ty Cổ phần Bibica

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

11.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021			VND	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc		Dự phòng
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đồ Thành	90.771	2.305.557.332	(862.298.432)	1.443.258.900	90.771	2.305.557.332	(735.219.032)	1.570.338.300
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	44.424	975.259.755	-	1.319.392.800	44.424	975.259.755	-	975.259.755
Công ty Cổ phần Hóa An	15.750	684.881.000	(102.131.000)	582.750.000	15.750	684.881.000	-	684.881.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	82.760	901.759.001	(327.404.601)	574.354.400	41.380	487.959.001	-	487.959.001
Các khoản đầu tư khác	14.130	165.087.738	(51.729)	165.036.009	11.485	165.087.738	(30.729)	165.057.009
TỔNG CỘNG	247.835	5.032.544.826	(1.291.885.762)	4.084.792.109	203.810	4.618.744.826	(735.249.761)	3.883.495.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Dài hạn	49.961.467.720	49.961.467.720	-	-
Trái phiếu (**)	49.961.467.720	49.961.467.720	-	-
TỔNG CỘNG	51.461.467.720	51.461.467.720	1.500.000.000	1.500.000.000

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi 4,8%/năm.

(**) Đây là 484 trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty Cổ phần Phát Triển Bất động sản Phát Đạt với thời hạn còn lại trên mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 12%/năm – 13%/năm.

11.3 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN (1)	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100
Công ty Cổ phần Phân phối hàng tiêu dùng Pan (2)	216.573.825.000	100	-	-
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (3)	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây (4)	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100
Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa (5)	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội (6)	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100
Công ty TNHH Bibica Miền Bắc (7) (*)	-	100	-	100
	1.166.573.825.000		950.000.000.000	

(1) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN ("Pan FM") hiện là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1101823562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 15 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Pan FM là thực hiện sản xuất, chế biến, mua bán bánh kẹo, thức uống có cồn, sữa đậu nành, nước giải khát, các sản phẩm từ thịt, hải sản, các sản phẩm nông nghiệp khác và kinh doanh bất động sản. Trụ sở đăng ký của Pan FM được đặt tại Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (2) Công ty Cổ phần Phân phối hàng tiêu dùng Pan ("Pan CG") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1101912597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp vào ngày 27 tháng 3 năm 2019. Pan CG có trụ sở đăng ký tại Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động đăng ký chính của Pan CG là thực hiện mua bán bánh kẹo, thức uống có cồn, sữa đậu nành, nước giải khát, các sản phẩm từ thịt, hải sản và các sản phẩm nông nghiệp khác. Vào ngày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Pan CG chưa tiến hành đăng ký thay đổi nội dung đăng ký loại hình doanh nghiệp.
- (3) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông ("Bibica Miền Đông") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4604000132 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 21 tháng 9 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Bibica Miền Đông là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký và nhà máy của Bibica Miền Đông được đặt tại Lô J1-CN, Đường D1, Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- (4) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây ("Bibica Miền Tây") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101883032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Bibica Miền Tây là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký và nhà máy của Bibica Miền Tây được đặt tại Lô A1/1-3, Đường VL4, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Phường Long Hiệp, Thị xã Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.
- (5) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa ("Bibica Biên Hòa") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3603651582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21 tháng 6 năm 2019. Hoạt động đăng ký của Bibica Biên Hòa là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký của Bibica Biên Hòa được đặt tại Số 8, Khu Công nghiệp Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bibica Biên Hòa đang trong giai đoạn trước hoạt động.
- (6) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội ("Bibica Hà Nội") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0108090231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 12 năm 2017. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Bibica Hà Nội là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký và nhà máy của Bibica Hà Nội được đặt tại Số B18, Đường Công nghiệp 06, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(7) Công ty TNHH Bibica Miền Bắc ("Bibica Miền Bắc") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0900276875 do Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Hưng Yên cấp ngày 14 tháng 12 năm 2015. Hoạt động đăng ký của Bibica Miền Bắc là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký của Bibica Miền Bắc được đặt tại Đường số 206, Khu B, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Bibica Miền Bắc đã ngừng hoạt động.

(*) Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào công ty con này (Thuyết minh số 29).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả cho các bên khác	40.111.377.557	46.800.203.410
<i>Tanis Confectionery B.V</i>	7.118.681.894	7.882.326.897
<i>Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa</i>	5.486.197.500	7.163.100.000
<i>Công ty Cổ phần S.I.M. VN</i>	5.385.116.840	3.059.435.900
<i>Các công ty khác</i>	22.121.381.323	28.695.340.613
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	137.758.835.639	171.740.787.257
TỔNG CỘNG	<u>177.870.213.196</u>	<u>218.540.990.667</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác trả tiền trước	3.950.106.253	3.418.333.329
<i>Arpel International Marketing Corporation</i>	1.147.193.857	1.122.671.271
<i>Các công ty khác</i>	2.802.912.396	2.295.662.058
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 28)	644.294.404.115	359.044.000.000
TỔNG CỘNG	<u>648.244.510.368</u>	<u>362.462.333.329</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế giá trị gia tăng	(23.552.782.980)	(3.431.650.215)	1.884.636.884	(25.099.796.311)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.671.842.407	2.511.907.720	(5.741.034.160)	1.442.715.967
Thuế thu nhập cá nhân	(785.613.104)	984.181.808	(906.415.500)	(707.846.796)
TỔNG CỘNG	(19.666.553.677)	64.439.313	(4.762.812.776)	(24.364.927.140)
<i>Trong đó:</i>				
Thuế GTGT được khấu trừ	(35.303.163.997)			(35.163.201.700)
Thuế nộp thừa	(785.613.104)			(707.846.796)
Thuế phải nộp	16.422.223.424			11.506.121.356

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí hoa hồng	3.390.377.603	2.398.114.416
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	1.063.666.148	12.967.910.084
Lương và thưởng nhân viên	1.010.795.820	3.695.339.979
Chi phí vận chuyển	617.548.432	6.889.043.334
Khác	799.588.683	576.609.499
TỔNG CỘNG	6.881.976.686	26.527.017.312

16. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	12.168.286.140	7.337.466.249
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 19.1)	1.120.014.131	4.830.819.891
Sử dụng quỹ	(4.286.899.494)	-
Số cuối kỳ	9.001.400.777	12.168.286.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn	2.755.711.408	62.210.883.008
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	-	59.900.000.000
Khác	2.755.711.408	2.310.883.008
Dài hạn	3.291.077.272	103.311.077.272
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	-	100.000.000.000
Khác	3.291.077.272	3.311.077.272
TỔNG CỘNG	<u>6.046.788.680</u>	<u>165.521.960.280</u>

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Bibica

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	154.207.820.000	302.726.583.351	542.830.667.221	66.069.242.894	1.065.834.313.466
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	4.238.709.267	4.238.709.267
Phân phối quỹ	-	-	36.270.762.733	(36.270.762.733)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.830.819.892)	(4.830.819.892)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	154.207.820.000	302.726.583.351	579.101.429.954	29.206.369.536	1.065.242.202.841
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	154.207.820.000	302.576.583.351	579.101.429.954	40.423.820.612	1.076.309.653.917
Tăng vốn (**)	33.319.050.000	183.244.775.000	-	-	216.563.825.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.151.514.324	11.151.514.324
Phân phối quỹ (*)	-	-	2.527.581.491	(2.527.581.491)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(1.120.014.131)	(1.120.014.131)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	187.526.870.000	485.821.358.351	581.629.011.445	47.927.739.314	1.302.904.979.110

(*) Việc phân phối các quỹ này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Năm 2022 số 01/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022.

(**) Vào ngày 20 tháng 1 năm 2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8, phê duyệt việc tăng vốn để hoán đổi cổ phiếu của Pan CG với tổng giá trị vốn cổ phần theo mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu) là 33.319.050.000 VND. Theo đó, Công ty đã phát hành 3.331.905 cổ phiếu cho Cổ đông của Pan CG với mệnh giá 10.000 VND và chênh lệch giữa mệnh giá và giá trị hợp lý tại ngày phát hành là 183.244.775.000 VND được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	154.207.820.000	154.207.820.000
Tăng vốn	33.319.050.000	-
Số cuối kỳ	<u>187.526.870.000</u>	<u>154.207.820.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố và chi trả	-	-

19.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Số cổ phiếu Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	18.752.687	15.420.782
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	18.752.687	15.420.782
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.752.687	15.420.782

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng doanh thu bán hàng	211.366.021.462	346.132.704.732
Hàng bán bị trả lại	(929.406.152)	(5.706.059.866)
Doanh thu thuần	<u>210.436.615.310</u>	<u>340.426.644.866</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên liên quan	165.919.109.451	277.840.780.424
Doanh thu đối với bên khác	44.517.505.859	62.585.864.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Lãi tiền gửi	4.405.929.091	8.288.358.597
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.895.586.844	21.638.461
Cổ tức được chia	78.759.000	53.389.500
TỔNG CỘNG	<u>6.380.274.935</u>	<u>8.363.386.558</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	<u>185.803.110.034</u>	<u>254.190.547.598</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh	556.636.001	(315.516.656)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.263.140	176.240.780
Chi phí lãi vay	-	2.529.680.931
TỔNG CỘNG	<u>565.899.141</u>	<u>2.390.405.055</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	153.884.984	30.142.085.830
Chi phí hoa hồng và hỗ trợ nhà phân phối	-	24.001.142.890
Chi phí vận chuyển	-	12.040.060.566
Chi phí nhân viên	-	565.571.375
Chi phí bán hàng khác	-	1.071.926.419
TỔNG CỘNG	<u>153.884.984</u>	<u>67.820.787.080</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nhân viên	10.004.804.015	10.741.212.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.467.867.003	4.696.349.232
Chi phí khấu hao	1.581.643.354	1.642.258.716
Chi phí khác	1.725.093.350	2.218.536.825
TỔNG CỘNG	<u>16.779.407.722</u>	<u>19.298.357.677</u>

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập khác	492.558.090	1.066.103.205
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	393.793.316	346.686.466
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	309.090.909
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	-	100.120.000
Khác	98.764.774	310.205.830
Chi phí khác	7.782.943	674.697.500
Xóa sổ công cụ dụng cụ và hàng tồn kho	-	644.565.087
Khác	7.782.943	30.132.413
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>484.775.147</u>	<u>391.405.705</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	93.228.777.106	179.869.654.295
Chi phí nhân công	60.841.746.077	42.696.909.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.137.990.905	92.860.063.664
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	7.056.066.092	7.780.645.987
Khác	12.166.128.221	3.537.711.152
TỔNG CỘNG	<u>203.430.708.401</u>	<u>326.744.984.968</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.511.907.720	1.237.635.401
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	335.941.467	4.995.051
TỔNG CỘNG	2.847.849.187	1.242.630.452

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.999.363.511	5.481.339.719
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	2.799.872.702	1.096.267.944
Các khoản điều chỉnh:		
Lợi nhuận, cổ tức nhận được	(15.751.800)	(10.677.900)
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành trực tiếp	36.000.000	140.160.000
Chi phí không được trừ	27.728.285	16.880.408
Chi phí thuế TNDN	2.847.849.187	1.242.630.452

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Trợ cấp thôi việc	2.100.915.313	2.135.613.928	(34.698.615)	1.613.898
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	264.525.319	264.525.319	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(13.232.006)	288.010.846	(301.242.852)	(6.608.949)
TỔNG CỘNG	<u>2.352.208.626</u>	<u>2.688.150.093</u>	<u>(335.941.467)</u>	<u>(4.995.051)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trương Phú Chiến Bà Nguyễn Ngọc Anh Ông Vũ Cường	Chủ tịch HĐQT Thành viên độc lập HĐQT Thành viên độc lập HĐQT kiêm thành viên BKT Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Quốc Hoàng Ông Nguyễn Văn Khải Ông Nguyễn Trọng Kha Ông Trần Đức Tuyển Ông Phan Văn Thiện Bà Đinh Thị Thu Vân Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("PAN Group")	Công ty mẹ từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 (Công ty mẹ cao nhất trước đây) Cổ đông lớn của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Công ty con từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN ("PAN CG")	Công ty con từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)
Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN ("PAN FM")	Công ty con
Công ty Bibica Miền Đông	Công ty con
Công ty Bibica Miền Bắc	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN ("PAN Food")	Công ty trong cùng tập đoàn từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 (Công ty mẹ trước đây)
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An ("LAF")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần PAN -HULIC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Bibica Miền Đông	Công ty con	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	523.986.251 -	2.394.658.306 12.443.071.144
Bibica Miền Tây	Công ty con	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	1.585.300.844 267.684.472	313.559.942 2.759.703.305
Bibica Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	1.366.706.916 183.251.674	11.827.372.320 60.394.439.937
PAN CG	Công ty con từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Mua dịch vụ	161.753.276.569 4.965.548.730 -	260.269.604.863 - 20.148.716.827
PAN FM	Công ty con từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)	Bán hàng hóa Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	682.309.921 -	3.035.584.993 7.224.117.517
PAN Group	Công ty mẹ từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 (Công ty mẹ cao nhất trước đây)	Mua hàng hóa	37.800.000	-
PAN Food	Công ty trong cùng tập đoàn từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 (Công ty mẹ trước đây)	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	7.528.950 -	- 390.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Bibica Miền Tây	Công ty con	Bán tài sản cố định và chi trả hộ	444.544.708.020	232.382.808.654
PAN Food	Công ty trong cùng tập đoàn từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 (Công ty mẹ trước đây)	Bán hàng hóa	7.528.950	-
PAN CG	Công ty con từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)	Bán hàng hóa	-	33.378.050.541
PAN FM	Công ty con từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)	Bán hàng hóa	-	32.510.288.010
			444.552.236.970	298.271.147.205
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
PAN FM	Công ty con từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)	Cho vay	-	36.644.395.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Bibica Biên Hòa	Công ty con	Thanh toán hộ	56.361.132.143	56.356.832.143
Bibica Miền Bắc	Công ty con	Phải thu cổ tức	51.323.970.642	51.326.873.882
			107.685.102.785	107.683.706.025
Phải trả người bán ngắn hạn				
Bibica Miền Đông	Công ty con	Mua hàng hóa	70.207.246.804	82.866.684.179
Bibica Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hóa	67.513.788.835	88.759.703.078
PAN Group	Công ty mẹ từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 (Công ty mẹ cao nhất trước đây)	Mua hàng hóa	37.800.000	-
PAN FM	Công ty con từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)	Mua nguyên vật liệu	-	114.400.000
			137.758.835.639	171.740.787.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
PAN CG	Công ty con từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 (Công ty trong cùng tập đoàn trước đây)	Bán hàng hóa	285.250.404.115	-
Bibica Biên Hòa	Công ty con	Đặt cọc mua tài sản	200.000.000.000	200.000.000.000
Bibica Miền Đông	Công ty con	Bán hàng hóa	159.044.000.000	159.044.000.000
			644.294.404.115	359.044.000.000

Phải trả ngắn hạn khác

PAN Food	Công ty trong cùng tập đoàn từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 (Công ty mẹ trước đây)	Mua cổ phần Pan FM	-	59.900.000.000
----------	--	--------------------	---	----------------

Phải trả dài hạn khác

PAN Food	Công ty trong cùng tập đoàn từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 (Công ty mẹ trước đây)	Mua cổ phần Pan FM	-	100.000.000.000
----------	--	--------------------	---	-----------------

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản Trị ("BKT") và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Trương Phú Chiến	Chủ tịch HĐQT	1.125.111.111	600.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Tổng Giám đốc	693.471.555	521.911.653
Ông Nguyễn Trọng Kha	Phó Tổng Giám đốc	488.323.739	334.321.889
Ông Trần Đức Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	433.066.045	-
Ông Phan Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc	348.921.121	294.332.870
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên HĐQT tiền nhiệm	-	90.000.000
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT tiền nhiệm	-	90.000.000
Ông Jung Woo Le	Thành viên HĐQT tiền nhiệm	-	45.000.000
Ông Kim Jun Yeon	Thành viên HĐQT tiền nhiệm	-	45.000.000
Ông Vũ Cường	Trưởng BKT	90.000.000	50.400.000
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên BKT	90.000.000	-
Ông Hur Jin Kook	Thành viên BKT tiền nhiệm	-	12.600.000
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên BKT tiền nhiệm	-	25.200.000
TỔNG CỘNG		3.268.893.571	2.108.766.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	1.060.744.741	1.370.085.570
Từ 1 đến 5 năm	4.116.626.368	5.480.342.280
Trên 5 năm	30.856.660.179	42.358.088.660
TỔNG CỘNG	<u>36.034.031.288</u>	<u>49.208.516.510</u>

Cam kết góp vốn

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty có khoản cam kết trị giá 200.000.000.000 VND liên quan tới việc góp vốn vào công ty con.

30. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Đinh Thị Thu Vân
Người lập



Đinh Thị Thu Vân
Quyền kế toán trưởng



Trương Phú Chiến
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 8 năm 2022